

Bản án số: 262/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **301/2022/TLST-HNGĐ** ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị Thu A, sinh năm 2001; nơi cư trú: Khu B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Na E, sinh năm 1979; địa chỉ: Hàn Quốc.

Cùng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 04/11/2022 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Đàm Thị Thu A trình bày:***

Chị A và anh Na E quen biết qua sự giới thiệu của công ty môi giới do chị A có ý định kết hôn để sang nước ngoài. Tháng 2/2019, anh Na E về Việt Nam để tìm hiểu chị A và hai người quyết định đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng ngày 04/5/2019. Sau khi đăng ký kết hôn, anh Na E ở lại Việt Nam một thời gian và chung sống cùng chị A tại nhà của bố mẹ chị A tại Khu B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, chị A và anh Na E

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, anh Na E thường xuyên tức giận, ném đồ đạc mỗi khi bất đồng. Đầu tháng 7/2019 anh Na E quay trở lại Hàn Quốc, thỉnh thoảng có liên lạc với chị A; đến tháng 9/2019 hai người không còn liên lạc, gặp gỡ, anh Na E cũng không thực hiện thủ tục bảo lãnh cho chị A. Qua bạn bè, chị A biết giữa năm 2020, anh Na E quay trở về Việt Nam và kết hôn với người phụ nữ khác mà không thông báo hay thực hiện thủ tục ly hôn với chị A; chị A có tìm gặp nhưng anh Na E trốn tránh. Tháng 9/2022, anh Na E về Việt Nam để thực hiện thủ tục bảo lãnh cho người vợ mới, chị A đã gặp và yêu cầu anh Na E giải quyết về việc ly hôn.

Đến nay, nhận thấy vợ chồng không có tình cảm, không cùng chung sống nên chị Hiền đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A ly hôn với anh Na E.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống, chị A và anh Na E không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân huyện D, anh Na E trình bày:*

Anh Na E thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ tình cảm, quá trình chung sống. Sau khi kết hôn, anh Na E đã quay trở lại Hàn Quốc để thực hiện thủ tục bảo lãnh cho chị A nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, đến nay, việc bảo lãnh chưa thực hiện được. Do khoảng cách địa lý, bất đồng ngôn ngữ, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh Na E đề nghị được ly hôn với chị A.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống, chị A và anh Na E không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không thể ở Việt Nam lâu dài, anh Na E đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt và ủy quyền cho chị A nhận các văn bản tố tụng, bản án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn giữa chị A là công dân Việt Nam cư trú tại thành phố Hải Phòng với anh Na E là công dân Hàn Quốc cư trú tại Hàn Quốc; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Do điều kiện ở xa và do bận công việc, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, chị A và anh Na E có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt họ; phù hợp với quy định tại khoản 1

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt chị A và anh Na E.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện chị A và anh Na E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng ngày 04/5/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai anh chị cùng chung sống khoảng một tháng thì anh Na E quay trở về Hàn Quốc. Mặc dù chỉ chung sống trong thời gian ngắn nhưng chị A và anh Na E đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm sống. Từ khi anh Na E quay trở về Hàn Quốc, hai anh chị không còn liên lạc và không gặp lại nhau đến nay đã hơn 3 năm. Tháng 9/2022, anh Na E về Việt Nam để gửi đơn xin ly hôn với chị A. Chị A trình bày anh Na E đã kết hôn với người khác nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh, nhưng cũng chứng tỏ họ không còn tin tưởng, quan tâm đến nhau. Việc hai bên đương sự đều khai vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là tự nguyện của các đương sự, phù hợp với tình trạng quan hệ thực tế giữa 2 bên. Căn cứ và quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận việc tự nguyện xin ly hôn của các đương sự.

[4] Về con chung và tài sản chung: Chị A và anh Na E thống nhất không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

[5] Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đàm Thị Thu A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị Thu A được ly hôn với anh Na E.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị Đàm Thị Thu A và anh Na E không có con chung và tài sản chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đàm Thị Thu A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000981 ngày 23/11/2022** của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đàm Thị Thu A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị Thu A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; anh Na E có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng; kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- UBND huyện D;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Minh Hạnh**